

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị Th và anh Ch”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Thọ

2/ Ông Huỳnh T Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ** tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17/4/2018 về tranh chấp: “xin ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 134/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ:

- Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2001;

- Nguyễn Thị T T, sinh năm 2006.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch là tự nguyện, hai bên tự tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 1994, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại Ủy ban nhân xã Thanh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn về chuyện làm ăn và khó khăn về kinh tế, nhiều lần vợ chồng cãi nhau và có hàn gắn tiếp tục chung sống nhưng hôn nhân không hạnh phúc. Anh Ch thường xuyên nhậu nhẹt rồi về kiểm chuyện hành hung và ăn nói thô tục trước mặt đông người làm mất uy tín của chị, nhiều lần anh Ch dọa sẽ giết chị. Kể từ năm 2014 chị Th bỏ đi làm ở Phú Quốc và đem các con theo ở chung và chính thức không còn sống chung cho đến nay. Hiện tại chị Th không còn tình cảm gì với anh Ch nên đề nghị Tòa án xem xét cho được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: có 3 con chung Nguyễn Thị Kim Kh, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2001; Nguyễn Thị T T, sinh năm 2006. Con chung có cháu Nguyễn Thị Kim Kh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét, riêng 02 đứa nhỏ là Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Thị T T nếu các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: quá trình vợ chồng chung sống chỉ có căn nhà tạm cất nhờ trên đất của ông ngoại vợ anh Ch hiện ông ngoại chết giao cho con Dương T Hùng quản lý (là cậu ruột của anh Ch). Đối với căn nhà chị Th để cho ông Ch ở không yêu cầu chia. Ngoài ra vợ chồng không có tạo lập được tài sản nào khác, chị Th không yêu cầu gì về tài sản chung vợ chồng.

- Anh Ch cho rằng có đưa chị Th giữ số tiền bán đất 240.000.000 đồng là không đúng sự thật, lúc anh Ch bán đất đã trả nợ tiền nợ cổ đất và còn bao nhiêu thì anh Ch giữ và chi tiêu trong gia đình, không có đưa cho chị Th.

- Đối với số tiền bán vịt là do con gái lớn cho 90.000.000 đồng mới có vốn mua vịt nuôi, sau khi bán vịt thì số tiền này anh Ch giữ và sử dụng chi tiêu trong gia đình, bản thân chị không có giữ số tiền nào hết.

- Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch qua biên bản lấy khai, biên bản hoà giải và tại toà trình bày:

- Về hôn nhân: hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Ch và chị Nguyễn Thị Th là tự nguyện, do anh chị tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Nguyên nhân chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Ch là do chị Th đi làm ở Phú Quốc rồi tự động cắt hộ khẩu ra khỏi hộ khẩu của vợ chồng, khi anh Ch phát hiện thì anh Ch có cãi với vợ thì vợ nói cắt khẩu để nhập về Phú Quốc làm bằng khoán đất. Chị Ch mua đất ở Phú Quốc nguồn tiền chủ yếu của anh Ch bán đất trước đây và tiền chăn nuôi vịt anh Ch giao cho chị Th giữ. Tuy nhiên, sau này anh Ch mới biết đất mà vợ nói mua ở Phú Quốc là do mẹ vợ đứng tên, chị Ch có mục đích chiếm đoạt cho riêng mình nên mới để mẹ vợ đứng tên. Nay anh Ch không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: có 3 con chung Nguyễn Thị Kim Kh, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2001; Nguyễn Thị T T, sinh năm 2006. Trường hợp Toà án xem xét chấp nhận cho ly hôn thì anh Ch yêu cầu được nuôi các con đến trưởng thành, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: 01 căn nhà tạm cất nhờ trên đất của ông ngoại tên Dương Văn Trọng (đã chết) hiện do người cậu Dương T Hùng quản lý, anh Ch đề nghị để ở và cho các con ở không yêu cầu chia. Trước đây cha mẹ ruột anh Ch có cho anh Ch 03 công đất ruộng tôi đã bán cho anh Nguyễn Hoàng Vũ vào năm 2013 được 240.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này anh Ch giao cho chị Th giữ; vào năm 2014 tiền bán vị được 70.000.000 đồng giao cho chị Th giữ. Nay yêu cầu chị Th phải giao trả lại cho anh Ch số tiền 310.000.000 đồng để anh Ch sửa nhà vì hiện nay nhà đã xuống cấp, đồng thời có nơi để con cái về thăm ông, bà.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 53, 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015 chấp nhận cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch. Về nuôi con chung do các con có ý kiến muốn sống chung với mẹ đồng thời các cháu là nữ đang trong giai đoạn trưởng thành nên giao cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Ch theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng con chung lẽ ra anh Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con đến khi trưởng thành nhưng chị Th không yêu cầu và anh Ch không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng: chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch và xin được quyền nuôi con chung, xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ch xuất phát từ chỗ anh Ch thường xuyên ăn nhậu rồi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị Th, nhiều lần anh Ch đe dọa sẽ giết chết chị Th cho thấy quan hệ hôn nhân có sự rạn nứt, có dấu hiệu bạo hành trong quan hệ hôn nhân, do lo sợ nên chị Th bỏ

nhà đi làm ăn và đem các con sang Phú Quốc sinh sống kể từ năm 2014. Quá trình vợ chồng ly thân, anh Ch cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chính bản thân anh cũng thừa nhận giữa vợ chồng đã có sự ngăn cách và không thể chung sống hoà hợp nhưng anh Ch không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ nhưng chị Th kiên quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử không thể hàn gắn, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Th và anh Ch.

[4] Về nuôi con chung: các con chung Nguyễn Thị Kim Khoa, sinh năm 1996; Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2001; Nguyễn Thị T T, sinh năm 2006. Xét nguyện vọng nuôi con của anh Ch và chị Th đối với cháu T, cháu T T, Toà án có ghi nhận ý kiến các cháu đều có nguyện vọng sống chung với mẹ, xét về điều kiện tinh thần, vật chất thì hiện các cháu sống bên chị Th phù hợp hơn sống bên anh Ch vì bản thân các cháu là nữ, đang trong giai đoạn trưởng thành nên cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Kim T; Nguyễn Thị T T cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: do chị Th không yêu cầu anh Ch cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về quyền chăm sóc giáo dục con chung: Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Ch theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của con chung bị xâm hại, đương sự có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Quá trình chung sống giữa chị Th và anh Ch có căn nhà tạm cất nhờ trên đất của ông Dương Văn Trọng nhưng chị Th và anh Ch không yêu cầu chia tài sản nên Toà án không xem xét.

Xét yêu cầu của anh Ch buộc chị Th phải giao trả cho anh số tiền 310.000.000 đồng do anh bán đất và nuôi vịt giao cho chị Th giữ. Do anh Ch không có đơn phản tố nên Toà án không có cơ sở xem xét yêu cầu của anh Ch.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Ch.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch.

1.2 Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2001; Nguyễn Thị T T, sinh năm 2006 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Nguyễn Văn Ch được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

1.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

1.4 Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

1.5 Về nợ chung: Đương sự khai không có, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000846 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3. Tuyên án công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đăng Khoa